

Bản án số: 18/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 10/4/2019

V/v “Yêu cầu ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Tân.

2. Bà Huỳnh Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 576/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2018 về việc “Yêu cầu ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Mỹ N, sinh năm 1990 (có mặt)

ĐKTT: ấp Tân Thành, xã T, huyện B, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: ấp H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Bùi Thị Mỹ N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh B. Sau khi kết hôn hai bên sống hạnh phúc tại xã T được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến vợ chồng cự cãi, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Ngoài ra, anh H còn ham chơi thường tham gia đánh bạc, đá gà gây ra nợ

này, sau đó anh H bỏ nhà đi, vì thương chồng chị phải nhiều lần trả nợ cho anh H, khi chị trả hết nợ cờ bạc của anh H thì chị kêu anh H về nhưng anh H vẫn không lo làm ăn để lo cho gia đình mà vẫn còn tiếp tục cờ bạc. Sau nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh H cũng không sửa đổi. Do vậy chị bỏ về nhà mẹ ruột ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh H có gọi điện thoại cho chị nhưng do chị đi làm nên không nghe máy được, anh H chỉ có gọi điện thoại chứ không trực tiếp đến gặp chị. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại bản tự khai đề ngày 26/02/2019 và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh thống nhất về thời gian, địa điểm hai bên kết hôn như chị Bùi Thị Mỹ N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh mê cờ bạc đá gà dẫn đến thiếu nợ nhiều người chị N buồn phiền nên xin đi làm ở Thành phố H rồi về nhà gia đình ruột sống và vợ chồng ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Trong quá trình sống chung thì giữa hai bên không phát sinh mâu thuẫn nào khác. Trong thời gian sống ly thân thì anh có liên lạc với chị N để hàn gắn tình cảm nhưng chị N từ chối không chịu gặp anh. Nay do còn tình cảm với vợ nên chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị Mỹ N.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt triệu tập tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Do đó, vụ án đưa ra xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại các điều 227, 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh B ngày 17 tháng 01 năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp. Tại Tòa chị N vẫn giữ quan điểm xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, qua lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định, trong thời gian chung sống giữa chị N và anh H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình mà còn chơi đá gà rồi gây ra nợ nần dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn bất hoà làm cho cuộc sống gia đình của anh chị không có hạnh phúc. Từ đó vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên vẫn không thể hòa giải, không khắc phục được những bất đồng nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không còn khả năng hàn gắn. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: không có.

[4] Về tài sản chung: không có.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ chị Bùi Thị Mỹ N phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Bùi Thị Mỹ N ly hôn với anh Nguyễn Văn H.
2. Về con chung: không có.
3. Về tài sản chung: không có.
4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Bùi Thị Mỹ N phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0022068 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Bùi Thị Mỹ N biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T (B – B);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hoàng Tân

Huỳnh Thị Sương

Lê Văn Lâm

